

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 5 - 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.
2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: đường N, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ban chỉ huy quân sự thị xã K, tỉnh Long An - đường C, khu phố 4, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà H có mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Vào năm 2009, bà H và ông C yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Ngày 24 tháng 3 năm 2010, bà H và ông C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Bà H và ông C tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C ghen tuông vô cớ nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung rồi sinh ra cãi vã thường xuyên. Trong thời gian chung sống từ năm 2009 đến tháng 11 năm 2013, ông C đã rất nhiều lần đánh đập bà H vì ông C ghen tuông vô cớ. Sự việc này bà H có báo với ban chỉ huy quân sự thị xã K, nơi ông C đang công tác. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 11 năm 2013 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà H xin ly hôn với ông C, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Bà H xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2010, giới tính nam và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2012, giới tính nam. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhật Q và cháu Nhật Q đến tuổi trưởng thành. Bởi vì từ khi bà H và ông C ly thân đến nay cháu Nhật Q và cháu Nhật Q sống chung với bà H, do bà H nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhật Q và cháu Nhật Q hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019 đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến, đề nghị của bị đơn – Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C xác định lời trình bày của bà H là hoàn toàn đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng còn điều kiện, khả năng hàn gắn để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình vì ông C còn thương vợ con rất nhiều, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, chỉ là vợ chồng gây gổ với nhau thôi. Ông C chỉ đánh bà H có một lần chứ không đánh nhiều lần như bà H trình bày. Do đó, ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H mà muốn được đoàn tụ; về con chung: Trong trường hợp bà H cương quyết ly hôn, ông C yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhật Q và cháu Nhật Q đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập hàng tháng của ông C được 7.000.000 đồng.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của bà H, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng bà H và ông C không thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà H tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cụ thể là: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông C; về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nhật Q và cháu Nhật Q cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi vì từ khi ly thân đến nay cháu Nhật Q và cháu Nhật Q sống chung với bà H và buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhật Q và cháu Nhật Q hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2019 đến khi cháu Nhật Q và cháu Nhật Q tròn 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung bà H và ông C xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông C có địa chỉ tại phường 1, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông C tại phiên tòa: Ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ tháng 11 năm 2013 đến nay, bà H và ông C đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, xử cho bà H được ly

hôn với ông C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà H vẫn cương quyết yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhật Q và cháu Nhật Q; bà H yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhật Q và cháu Nhật Q hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu. Xét về mặt kinh tế theo lời trình bày của bà H thì bà H thu nhập trung bình được khoảng 6.500.000 đồng/tháng. Theo lời trình bày của ông C thì ông C có thu nhập cũng ổn định với mức lương khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Do đó, bà H và ông C đều có đủ khả năng nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhật Q và cháu Nhật Q nhưng xét thấy cháu Nhật Q và cháu Nhật Q còn nhỏ nên việc chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ sẽ chu đáo và tốt hơn. Mặt khác, tại bản nguyện vọng ngày 17 tháng 12 năm 2018 của cháu Nhật Q, biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã K thì cháu Nhật Quý có ý kiến được ở chung với bà H khi bà H và ông C ly hôn. Vì vậy, để ổn định tâm lý và sự phát triển toàn diện của cháu Nhật Q và cháu Nhật Q nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông C phải giao cháu Nhật Q và cháu Nhật Q cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà H yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhật Q và cháu Nhật Q hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu là phù hợp với thu nhập của ông C và nhu cầu thiết yếu của cháu Nhật Q và cháu Nhật Q nên buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhật Q và cháu Nhật Q hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2019 đến khi cháu Nhật Q và cháu Nhật Q tròn 18 tuổi là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, ông C phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6,

24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng H, xử cho bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao hai người con chung tên Nguyễn Nhất Q, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2010, giới tính nam và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2012, giới tính nam cho bà Nguyễn Thị Hồng H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhất Q và cháu Nguyễn Nhật Q hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019 đến khi cháu Nguyễn Nhất Q và cháu Nguyễn Nhật Q tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Nguyễn Văn C thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí:

4.1 Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007041 ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4.2 Buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Dương sự;
- UBND phường 1;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu